

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LỊCH SỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118 /QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Lịch sử
  - + Tiếng Anh: History
- Mã số ngành đào tạo: 52220310
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Lịch sử
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Lịch sử trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về các môn học thuộc khối kiến thức chung, Khối kiến thức chung theo lĩnh vực và khối ngành; kiến thức cơ bản, hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, về một số môn học bổ trợ, về một chuyên ngành của khoa học lịch sử, có thể học tiếp lên bậc cao hơn và tự học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

### 3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, dự thi đại học khối C (3 môn: Văn, Sử, Địa), khối D (3 môn: Văn, Toán, Ngoại ngữ).

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

### 1. Về kiến thức

1.1. Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản của các môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin và ý nghĩa phương pháp luận của hệ thống lý thuyết này trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.2. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.3. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.4. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về các khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực Xã hội và Nhân văn trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.5. Hiểu và vận dụng được kiến thức về Các phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.6. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về các môn học thuộc khối ngành Lịch sử, Triết học, Chính trị học trong học tập và nghiên cứu các khoa học lịch sử.

1.7. Kiến thức cơ bản lí luận sử học bao gồm những điển giải bản thể lịch sử với tư cách là đối tượng của sử học, lí thuyết về con đường tiếp cận lịch sử và khai thác thông tin lịch sử, các thời đại và khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam.

1.8. Những hiểu biết cơ bản về khoa học khảo cổ như một lĩnh vực liên ngành nghiên cứu quá khứ nhân loại dựa trên những tài liệu vật thật.

1.9. Kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử Thế giới thời kì cổ trung đại, thời kì cận đại, thời kì hiện đại.

1.10. Tri thức về một số vấn đề của lịch sử Việt Nam và lịch sử Thế giới như Làng xã Việt Nam trong lịch sử, Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam, Sự phát triển kinh tế-xã hội các nước Đông Bắc Á...

1.11. Hiểu biết cơ bản quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán, chữ Nôm trong lịch sử, văn hóa của Việt Nam. Có khả năng phiên âm và dịch nghĩa một số loại hình văn bản Hán nôm cơ bản về lịch sử, văn hóa Việt Nam.

1.12. Kiến thức nâng cao các hướng chuyên ngành lịch sử (tùy vào hướng chuyên ngành sinh viên đăng kí học)

1.12.1. Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

- Kiến thức chuyên sâu về chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam; Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại; Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2010...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam và liên ngành các khoa học lịch sử.

1.12.2. Hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới

- Kiến thức chuyên sâu về Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biên Đông; Một số vấn đề về quan hệ kinh tế và hợp tác khu vực Đông Á; Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh ...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới và liên ngành các khoa học lịch sử.

#### 1.12.3. Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Kiến thức chuyên sâu về Một số vấn đề về nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kì lịch sử; Một số vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và liên ngành các khoa học lịch sử.

#### 1.12.4. Hướng chuyên ngành Văn hóa học

- Kiến thức chuyên sâu về Một số vấn đề lí luận văn hóa học và lịch sử văn hóa; Ứng dụng các phương pháp xã hội học trong nghiên cứu lịch sử văn hóa; Đô thị và văn hóa đô thị ở Việt Nam ...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Văn hóa học và liên ngành các khoa học lịch sử.

#### 1.12.5. Hướng chuyên ngành Khảo cổ học

- Kiến thức chuyên sâu về Các phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; Thời đại đồ đá Việt Nam; Thời đại kim khí Việt Nam...

- Vận dụng được những kiến thức này trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành Khảo cổ học và liên ngành các khoa học lịch sử.

## **2. Về kĩ năng**

### ***2.1. Kĩ năng cứng***

2.1.1. Biết lập luận khoa học để xác định rõ đối tượng nghiên cứu lịch sử, tính chất của nhận thức lịch sử, nắm được quy trình nghiên cứu về mặt lí thuyết để có thể ứng dụng khi thực hành nghiên cứu lịch sử.

2.1.2. Nhận biết các đặc trưng cơ bản của một di tích khảo cổ học, từ đó có thể phát hiện các di tích khảo cổ học mới trong quá trình công tác. Có các kĩ năng cần thiết về tổ chức khai quật cũng như các kĩ năng riêng biệt khi phát hiện và xử lí các loại hình di tích đặc biệt trong hồ khai quật.

2.1.3. Nắm được phương pháp và những lí thuyết nghiên cứu cơ bản về một hướng chuyên ngành lịch sử. Trên cơ sở đó biết cách tiếp cận các hướng chuyên ngành khác của khoa học lịch sử cũng như của khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

2.1.4. Kỹ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề của khoa học lịch sử.

- Có khả năng xác định vấn đề, đặt câu hỏi nghiên cứu/ giả thuyết nghiên cứu.
- Có khả năng lựa chọn và vận dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử trong phân tích và giải quyết vấn đề thuộc hướng chuyên ngành được đào tạo.
- Có khả năng phân bổ thời gian, nguồn lực để giải quyết vấn đề.

2.1.5. Kỹ năng điều tra, khảo sát

- Khảo sát trên tài liệu:
  - + Biết cách tra cứu tài liệu bằng công cụ tìm kiếm, trong thư viện.
  - + Biết cách sắp xếp và phân loại thông tin.
  - + Biết cách đánh giá độ tin cậy của thông tin.
  - + Biết cách liệt kê, trích dẫn tài liệu tham khảo.
- Khảo sát trên thực tế:
  - + Hiểu các phương pháp thực hiện khảo sát thực tế đối với từng chuyên ngành cụ thể.
  - + Có khả năng tiến hành khảo sát cá nhân/theo nhiều nhóm khác nhau.
  - + Có khả năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để thực hiện khảo sát.

2.1.6. Khái quát hoá các kết quả nghiên cứu thực nghiệm/lí thuyết.

## **2.2. Kỹ năng mềm**

2.2.1. *Kỹ năng làm việc, giải quyết vấn đề độc lập, sáng tạo*

2.2.2. *Kỹ năng làm việc nhóm*

- Thành lập nhóm.
- Xác định vai trò thành viên hay lãnh đạo nhóm.
- Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.
- Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.
- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

2.2.3. *Kỹ năng giao tiếp*

- Xây dựng ý tưởng, lập luận.

- Giao tiếp cá nhân trực tiếp.
- Giao tiếp bằng văn bản.
- Giao tiếp qua các phương tiện kỹ thuật công nghệ.

#### 2.2.4. Các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học

- Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ B1 (tương đương 4.0 IELTS).
- Kỹ năng tin học: thành thạo kỹ năng tin học văn phòng.

### 3. Về phẩm chất đạo đức

#### 3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức.
- Trung thực và giữ uy tín.

#### 3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc.
- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu.
- Ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.

#### 3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.
- Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc.

### 4. Vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi sinh viên tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu ở các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội có yêu cầu chuyên môn liên quan trực tiếp đến kiến thức lịch sử.
- Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học.
- Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, quản lý bảo tàng, di tích lịch sử,...
- Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội.
- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

*\*Các loại hình cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp:*

- Các trường đại học, cao đẳng, phổ thông có giảng dạy lịch sử và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Các Viện Nghiên cứu thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Sử học, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Dân tộc học...), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Viện Lịch sử Đảng...

- Các cơ quan Nhà nước và đoàn thể có sử dụng kiến thức lịch sử (các cơ quan trung ương của hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí, UBND các cấp, bảo tàng, các trung tâm nghiên cứu lịch sử-văn hoá, các đơn vị quản lí di tích lịch sử, các nhà xuất bản, tạp chí chuyên ngành lịch sử...).

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

*Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 133 tín chỉ, trong đó:*

- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	<b>27 tín chỉ</b>
<i>(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	<b>23 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	<i>17 tín chỉ</i>
+ Tự chọn:	<i>6/8 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	<b>17 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	<i>12 tín chỉ</i>
+ Tự chọn:	<i>5/12 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	<b>11 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	<i>9 tín chỉ</i>
+ Tự chọn:	<i>2/8 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	<b>55 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	<i>49 tín chỉ</i>
+ Tự chọn:	<i>6 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	<b>10 tín chỉ</b>

## 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (Không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	16	40	4	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kĩ năng mềm	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>	<b>23</b>				
<b>II.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>17</b>				
12	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
13	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
14	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
15	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
16	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
17	PSY1050	Tâm lí học đại cương	2	30			
18	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
<b>II.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>6/8</b>				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức chung của khối ngành</b>	<b>17</b>				
<b>III.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>12</b>				
23	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
24	ANT1101	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	3	36	9		
25	POL1052	Chính trị học đại cương	3	39	6		
26	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3	45			
<b>III.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>5/12</b>				
27	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
28	PHI1103	Lịch sử triết học	2	26	4		
29	POL2053	Chính trị Việt Nam thời quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội	2	22	8		HIS1002
30	PHI2022	Phương thức sản xuất châu Á và vấn đề làng xã ở Việt Nam	2	26	4		PHI1004
31	PHI1104	Đạo đức học đại cương	3	39	6		PHI1004
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức chung của nhóm ngành</b>	<b>11</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>9</b>				
32	HIS1150	Phương pháp luận sử học	2	28	2		
33	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử	4	56	4		
34	HIS2010	Cơ sở khảo cổ học	3	42	3		
<b>IV.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>2/8</b>				
35	HIS2015	Đường lối đổi mới theo định hướng XHCN của Đảng CSVN	2	28	2		
36	HIS2016	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á	2	28	2		
37	HIS2017	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á	2	28	2		
38	HIS3018	Các tôn giáo thế giới	2	28	2		
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ</b>	<b>55</b>				
<b>V.1</b>		<b>Các môn học chung của ngành</b>	<b>35</b>				
<b>V.1.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>33</b>				
39	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại	4	56	4		

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
40	HIS2019	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	42	3		HIS2061
41	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	56	4		HIS2019
42	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại	4	56	4		
43	HIS2006	Lịch sử Thế giới cận đại	3	42	3		HIS2064
44	HIS2065	Lịch sử Thế giới hiện đại	4	56	4		HIS2006
45	HIS2020	Lịch sử sử học	4	56	4		
46	HIS3078	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam	3	42	3		
47	SIN3055	Hán Nôm cơ sở	4	56	4		
V.1.2		<i>Tự chọn</i>	2/4				
48	HIS2021	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	2	28	2		HIS2061
49	HIS2013	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam	2	28	2		HIS2019
<b>V.2</b>		<b>Kiến thức hướng chuyên ngành</b>	<b>10</b>				
V.2.1		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam</i>	10				
V.2.1.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
50	HIS3002	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	2	28	2		HIS2061
51	HIS3003	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019
52	HIS 3079	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2010	2	28	2		HIS2104
V.2.1.2		<i>Tự chọn</i>	4/14				
53	HIS3001	Đô thị cổ Việt Nam	2	28	2		HIS2061
54	HIS3008	Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kì cổ trung đại	2	28	2		HIS2061
55	HIS3007	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại	2	28	2		HIS2061
56	HIS3009	Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019
57	HIS3010	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019
58	HIS3012	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời hiện đại 1945-1975	2	28	2		HIS2104
59	HIS 3004	Nông thôn, nông nghiệp Việt Nam thời hiện đại	2	28	2		HIS2104
V.2.2		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới</i>	10				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2.2.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
60	HIS3082	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông	2	28	2		HIS2064
61	HIS3020	Một số vấn đề về quan hệ kinh tế và hợp tác khu vực Đông Á	2	28	2		HIS2065
62	HIS3024	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh	2	28	2		HIS2065
V.2.2.2		<i>Tự chọn</i>	4/16				
63	HIS3015	Đặc điểm lịch sử cổ trung đại Phương Đông	2	28	2		HIS2064
64	HIS3019	Các học thuyết chính trị- xã hội ở Trung Quốc thời cổ trung đại	2	28	2		HIS2064
65	HIS3014	Văn minh thế giới và sự tiến hóa của nhân loại	2	28	2		HIS2065
66	HIS3023	Sự hình thành, phát triển của các công ty Đông Ấn châu Âu và tác động đối với châu Á thế kỉ XVI-XVII	2	28	2		HIS2006
67	HIS3025	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai	2	28	2		HIS2065
68	HIS3026	Sự hình thành và phát triển của liên minh Châu Âu (EU)	2	28	2		HIS2065
69	HIS3027	Liên bang Nga- sự hình thành, phát triển và quan hệ với Việt Nam	2	28	2		HIS2065
70	HIS3028	Một số vấn đề về lịch sử Trung Đông	2	28	2		HIS2065
V.2.3		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản VN</i>	10				
V.2.3.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
71	HIS3029	Một số vấn đề về nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
72	HIS3031	Đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kì lịch sử	2	28	2		HIS1002
73	HIS3032	Một số vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
V.2.3.2		<i>Tự chọn</i>	4/16				
74	HIS3033	Một số vấn đề về cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		HIS1002
75	HIS3034	Đảng CSVN lãnh đạo công cuộc chuẩn bị, tiến lên tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945	2	28	2		HIS1002

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
76	HIS3037	Vai trò hậu phương của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	2	28	2		HIS1002
77	HIS3030	Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng bộ máy chính quyền thời kì 1945-1975	2	28	2		HIS1002
78	HIS3036	Một số vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ II	2	28	2		HIS1002
79	HIS3035	Chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kì cách mạng	2	28	2		HIS1002
80	HIS3039	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng	2	28	2		HIS1002
81	HIS3040	Công tác vận động quần chúng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình cách mạng	2	28	2		HIS1002
V.2.4		<i>Hướng chuyên ngành Văn hóa học</i>	10				
V.2.4.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
82	HIS3041	Một số vấn đề lí luận văn hóa học và lịch sử văn hóa	2	28	2		HIS1056
83	HIS3042	Tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam	2	28	2		HIS1056
84	HIS3043	Đô thị và văn hóa đô thị ở Việt Nam	2	28	2		HIS1056
V.2.4.2		<i>Tự chọn</i>	4/12				
85	ANT3025	Nhân học văn hóa	2	28	2		HIS1056
86	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	28	2		HIS1056
87	HIS3049	Văn hóa làng xã	2	28	2		HIS1056
88	HIS3046	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	28	2		HIS1056
89	HIS3047	Một số vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam	2	28	2		HIS1056
90	HIS3048	Văn hóa và môi trường	2	28	2		HIS1056
V.2.5		<i>Hướng chuyên ngành Khảo cổ học</i>	10				
V.2.5.1		<i>Bắt buộc</i>	6				
91	HIS3050	Các phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học	2	28	2		HIS2010
92	HIS3051	Thời đại đồ đá Việt Nam	2	28	2		HIS2010
93	HIS3052	Thời đại kim khí Việt Nam	2	28	2		HIS2010
V.2.5.2		<i>Tự chọn</i>	4/16				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
94	HIS3054	Con người - Kỹ thuật - Môi trường	2	28	2		HIS2010
95	HIS3053	Khảo cổ học lịch sử người Việt	2	28	2		HIS2010
96	HIS3055	Khảo cổ học Champa	2	28	2		HIS2010
97	HIS3056	Khảo cổ học Oc Eo	2	28	2		HIS2010
98	HIS3058	Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam	2	28	2		HIS2010
99	HIS3059	Khảo cổ học Trung Quốc	2	28	2		HIS2010
100	HIS3096	Mỹ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam	2	28	2		HIS2010
101	HIS3062	Lịch sử Khảo cổ học Việt Nam	2	28	2		HIS2010
<b>VI</b>		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
102	HIS4050	Thực tập chuyên môn	2		20	10	HIS2010
103	HIS4052	Thực tập tốt nghiệp	2		20	10	
104	HIS4055	Khóa luận tốt nghiệp	6				
		<i>Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	6				
		<i>Môn chung cho các hướng chuyên ngành</i>					
105	HIS4059	Quá trình dân tộc - lãnh thổ của Việt Nam	3	39	6		
		<i>Môn riêng cho từng hướng chuyên ngành</i>					
		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam</i>					
106	HIS4056	Cách mạng dân tộc dân chủ Việt Nam	3	39	6		HIS 2104
		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới</i>					
107	HIS4057	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX-XX	3	39	6		HIS2065
		<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>					
108	HIS4058	Các cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	39	6		HIS1002
		<i>Hướng chuyên ngành Văn hóa học</i>					
109	HIS4062	Văn hóa vùng và đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam	3	39	6		HIS1056
		<i>Hướng chuyên ngành Khảo cổ học</i>					
110	HIS4063	Lí thuyết khảo cổ học	3	39	6		HIS2010
<b>Tổng số</b>			<b>133</b>				